

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TKD23B2
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)		Giáo dục QP - An ninh(2)		Pháp luật(1)	Kinh tế học vi mô(2)	Soạn thảo văn bản(2)	Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)	Kỹ năng mềm(2)	Marketing(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2353403023797	Phạm Thị Thúy	An	19/07/2008	6.0	6.7	7.2	6.3	6.9	8.9	5.5	6.1	7.4	7.0			Khá
02	2353403023798	Trần Phi Băng	Băng	13/06/2008	7.2	6.7	6.9	5.8	7.9	8.7	5.5	6.7	5.8	6.9			Trung bình
03	2353403023800	Võ Thành	Đạt	09/08/2008	5.1	6.9	7.4	6.7	7.7	8.9	5.9	7.2	8.1	7.5			Khá
04	2353403023801	Lâm Ngọc	Giàu	06/04/2008	6.1	6.6	8.1	9.0	8.4	8.4	6.7	7.0	8.3	8.0			Giỏi
05	2353403023802	Trần Thanh	Hải	08/05/2008	6.6	6.3	7.6	8.4	7.4	8.8	6.4	7.3	7.8	7.8			Khá
06	2353403023804	Trần Thị Bảo	Hân	10/02/2008	5.6	6.4	8.0	8.4	8.5	8.8	7.0	7.6	8.1	8.1			Giỏi
07	2353403023806	Trần Nhựt	Kha	07/05/1998	0.0	5.4	7.8	6.1	6.0	4.1	6.0	4.5	8.8	5.9			Trung bình
08	2353403023807	Nguyễn Gia	Kiệt	22/10/2006	8.0	7.0	8.2	0.0	6.6	0.5	3.2	7.3	6.6	4.1			Yếu
09	2353403023808	Cao Thị Bích	Liên	09/08/2008	5.5	7.1	8.4	4.5	8.3	8.7	5.5	6.8	7.2	7.1			Khá
10	2353403023809	Phạm Gia	Linh	04/11/2007	5.7	8.3	7.3	3.9	7.8	8.8	5.4	7.2	7.2	6.9			Trung bình
11	2353403023810	Lê Hoàng	Mẫn	27/11/2008	8.4	8.5	8.4	6.5	6.6	8.3	5.5	7.0	7.1	7.1			Khá
12	2353403023812	Nguyễn Trần Kim	Ngân	27/01/2008	7.0	8.6	8.5	6.3	8.6	8.8	6.1	7.0	6.1	7.4			Khá
13	2353403023813	Lâm Bội	Nghi	17/04/2008	9.3	8.7	8.4	5.9	8.4	8.4	7.1	6.9	6.1	7.3			Khá
14	2353403023814	Đỗ Hoài	Ngọc	10/10/2008	8.2	6.0	7.1	2.7	5.8	8.4	4.5	6.7	5.9	6.0			Trung bình
15	2353403023815	Trần Lê Bảo	Ngọc	01/03/2008	7.0	6.8	6.5	6.3	7.7	4.9	7.7	6.7	5.8	6.4			Trung bình
16	2353403023816	Nguyễn Bảo	Nhạn	29/02/2008	7.3	7.0	5.6	5.9	7.4	5.5	5.3	7.6	6.5	6.3			Trung bình
17	2353403023818	Nguyễn Thiên	Nhiên	16/02/2008	6.0	6.0	5.9	7.1	8.0	9.1	7.0	8.2	6.1	7.6			Khá
18	2353403023819	Lê Thị Huỳnh	Như	27/07/2008	8.2	5.8	6.4	6.0	8.1	8.9	5.7	7.1	6.2	7.1			Khá
19	2353403023820	Phạm Ngọc	Như	17/03/2008	8.8	7.2	8.1	6.2	7.2	8.5	5.4	6.7	6.4	7.0			Khá
20	2353403023821	Huỳnh Chí	Phong	05/09/2008	5.9	6.8	5.8	5.7	7.1	8.5	5.6	6.7	6.2	6.7			Trung bình
21	2353403023823	Ngô Trọng	Phúc	31/08/2008	2.2	2.4	4.0	2.6	5.5	0.7	3.4	5.0	6.2	3.7			Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)		Giáo dục QP - An ninh(2)		Pháp luật(1)	Kinh tế học vi mô(2)		Soạn thảo văn bản(2)		Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)		Kỹ năng mềm(2)		Marketing(2)	Giáo dục Chính trị(2)		Điểm TB	Xếp loại
22	2353403023824	Lê Ngọc An	Tâm	03/08/2007	7.3	7.1	6.7	8.9	8.7	8.6	8.0	7.0	7.9	8.1	Giỏi							
23	2353403023825	Bùi Cao	Thanh	03/09/2008	8.7	8.3	8.2	8.8	8.6	8.8	6.9	7.5	8.0	8.2	Giỏi							
24	2353403023826	Nguyễn Phú	Thành	30/10/2008	5.2	8.2	7.6	6.8	8.6	9.1	6.8	6.1	6.2	7.4	Khá							
25	2353403023827	Trần Quốc	Thuận	11/12/2008	7.4	6.9	8.0	5.8	8.0	8.9	5.5	6.1	8.2	7.3	Khá							
26	2353403023828	Phan Thị Anh	Thư	27/01/2007	5.8	7.7	7.3	4.6	7.0	8.7	5.9	6.8	7.4	6.9	Trung bình							
27	2353403023829	Trần Nguyễn Quỳnh	Thy	13/11/2008	7.8	8.4	7.2	6.9	8.3	8.9	6.0	7.4	7.9	7.6	Khá							
28	2353403023830	Nguyễn Thị Diễm	Trang	08/09/2008	5.3	7.4	7.2	6.4	8.7	8.7	6.4	6.7	7.3	7.5	Khá							
29	2353403023831	Hứa Mỹ	Tiên	13/08/2005	5.3	8.7	8.6	6.9	8.1	9.3	6.4	6.3	6.0	7.4	Khá							

*Lưu ý : Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.*

TL. HIỆU TRƯỞNG

TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái